| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 722/2023/DS-PT
Ngày: 10-7-2023
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Kim Dung

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Kim

Bà Nguyễn Thị Thu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Tào Minh Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 416/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5822/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Hoài T**, sinh năm 1945. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 68 Đường A, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: Số 786/2 C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Tiêu Hồng N**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 686/114 Q, phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: Số 129/83 L, phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn:

Ông **Lê Văn T2**, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 129/83 L, phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 004983 ngày 26/6/2023 lập tại Văn phòng công chứng Phan Thị Kim Cúc).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Tiêu Hồng N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lê Hoài T cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

Vào ngày 20/01/2014, bà Lê Hoài T có cho bà Tiêu Hồng N vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng với thời hạn vay từ 20/01/2014 đến 30/7/2014, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 10%/năm. Đến nay thời hạn vay hết đã lâu nhưng bà Tiêu Hồng N vẫn không trả cho tiền bà Lê Hoài T kể cả tiền gốc và tiền lãi. Nay bà Lê Hoài T yêu cầu Tòa án buộc bà Tiêu Hồng N trả lại số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nợ gốc, bà Lê Hoài T không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Hoài T cam kết toàn bộ số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng đã cho bà Tiêu Hồng N vay là tiền riêng của mình, bà Lê Hoài T chưa từng đăng ký kết hôn với ai cũng như không chung sống như vợ chồng với bất cứ người nào.

Bà Lê Hoài T cho cá nhân bà Tiêu Hồng N vay tiền nên bà Lê Hoài T không yêu cầu Tòa án đưa chồng bà Tiêu Hồng N (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng như không đề nghị xem xét trách nhiệm liên đới giữa bà Tiêu Hồng N và chồng bà Tiêu Hồng N (nếu có) trong nghĩa vụ trả nợ cho bà Lê Hoài T.

- *Bị đơn là bà Tiêu Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng vào n*gày 29/4/2022 có gửi đơn đề nghị đến Tòa án nhân dân quận Bình Tân, cho thấy địa chỉ của bà Tiêu Hồng N là: 686/114 Q, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tiêu Hồng N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân B và biết được mình là bị đơn trong vụ án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi ý kiến trình bày của mình đối với vụ kiện, cũng như không gửi tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoài T mà chỉ yêu cầu bà Lê Hoài T gửi các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc khởi kiện cho mình.

Ngày 09/5/2022, bà Lê Hoài T đã gửi các tài liệu khởi kiện cho bà Tiêu Hồng N (Vận đơn gửi nhiều bưu gửi tại Bưu cục 736100 – Bà Quẹo).

Bà Tiêu Hồng N đã nhận được tài liệu khởi kiện từ bà Lê Hoài T theo Phiếu báo phát ngày 07/6/2022 của Bưu cục 736100 – Bà Quẹo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 376/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 52, khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hoài T về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Bà Tiêu Hồng N phải trả cho bà Lê Hoài T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau đó phía bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

** Bị đơn bà Tiêu Hồng N có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn T2 trình bày:*

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà N không vay tiền của bà T, bà T không chứng minh được có việc giao tiền cho bà N. Bà N không đồng ý với kết luận giám định chữ ký, chữ viết; bà N xác định chữ ký, chữ viết trên giấy tiền không phải của bà N; bà N đề nghị Tòa án cho giám định lại. Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

** Nguyên đơn bà Lê Hoài T trình bày:* Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] Bị đơn bà Tiêu Hồng N kháng cáo cho rằng chữ ký và chữ viết tên "Tiêu Hồng N" trên giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp không phải là chữ ký, chữ viết của bị đơn. Bị đơn đã có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết, chữ ký trên giấy mượn tiền. Nguyên đơn vẫn xác định chính bị đơn đã ký và ghi họ tên trên giấy mượn tiền với nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn. Lý do: hợp đồng vay tiền ký từ năm 2014 nhưng đến năm 2022 nguyên đơn mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện; do đó cần phải đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn vắng mặt. Sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo và hiện nay đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Mặc dù theo quy định, thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay đã hết tuy nhiên hiện nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay mượn, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp đòi tài sản. Đối với tranh chấp đòi tài sản thì theo quy định không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đình chỉ việc giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện của bị đơn.

[3] Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 21/2023/QĐ-TCGĐ ngày 06/01/2023 để trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc giám định. Bà N đã cung cấp tài liệu mẫu so sánh gồm chữ ký, chữ viết tên Tiêu Hồng N có tại: Biên bản kiểm tra treo tháo thiết bị đo đếm số 009856 ngày 14/4/2015 của Công ty Điện lực Bình Phú (bản chính); Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số SĐBS.01-4335/16/TD/V.6 ngày 07/11/2016 của Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhán Bình Dương (bản chính); Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất số 025242/HĐHB-HĐCNQSDĐ (bản chính).

Ngày 19/01/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 564/KL-KTHS kết luận: "Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết họ tên Tiêu Hồng N trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Tiêu Hồng N trên 03 tài liệu dùng làm mẫu so sánh có phải do cùng một người ký và viết ra hay không".

[3] Sau khi có Kết luận giám định số 564/KL-KTHS, Tòa án đã tiến hành trả cho bị đơn các tài liệu mà bị đơn đã cung cấp để làm tài liệu mẫu so sánh.

Đến ngày 20/02/2023 nguyên đơn có Đơn yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết tên "Tiêu Hồng N" trên giấy mượn tiền, nguyên đơn đề nghị Tòa án trưng cầu Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an để tiến hành giám định lại.

Tại thời điểm này, bị đơn xác định đã làm thất lạc 03 tài liệu dùng làm mẫu so sánh mà bị đơn đã cung cấp để Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành

phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định. Tuy nhiên, bị đơn đồng ý cung cấp 03 tài liệu mới có chữ ký, chữ viết của bị đơn để dùng làm mẫu so sánh cho việc giám định lại, gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không tài sản gắn liền với đất số 002414 ngày 01/3/2011 (bản chính), Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/5/2013 (bản chính), Hợp đồng vay tiền không biện pháp bảo đảm số 025244 ngày 21/12/2015 (bản chính). Nguyên đơn đồng ý dùng các tài liệu do bị đơn mới cung cấp để thực hiện việc giám định lại.

Tòa án đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 2777/2023/QĐ-TCGĐ ngày 14/3/2023 để trưng cầu Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an thực hiện việc giám định.

Ngày 31/5/2023 Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an có Kết luận giám định số 2188/KL-KTHS kết luận: "Chữ ký đứng tên Tiêu Hồng N, chữ viết họ tên "Tiêu Hồng N" dưới mục "Ký tên" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Tiêu Hồng N trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án giám định lại chữ ký, chữ viết; đề nghị yêu cầu Phòng Kỹ thuật hình sự của Bộ Quốc phòng giám định. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc giám định chữ ký, chữ viết đã được thực hiện lần thứ nhất tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và lần thứ hai tại Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết của bị đơn.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ theo Kết luận giám định 2188/KL-KTHS ngày 31/5/2023 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an đã có đủ cơ sở để xác định bị đơn bà Tiêu Hồng N đã ký tên, ghi rõ họ tên trên Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp. Giấy mượn tiền thể hiện nội dung *"tôi tên Tiêu Hồng N viết giấy này làm bằng về việc mượn của bà Lê Hoài T số tiền 200.000.000 đồng. Thời gian mượn từ ngày 20/01/2014 đến ngày 30/7/2014".* Như vậy, bà T đã chứng minh được có sự việc bà N mượn của bà T số tiền 200.000.000 đồng.

Ngược lại, từ sau ngày 30/7/2014 cho đến nay, bà N không có chứng cứ hay tài liệu gì chứng minh đã trả cho bà T số tiền đã mượn. Do đó cấp sơ thẩm đã buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí phúc thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Về chi phí giám định: do kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết là của bị đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Chi phí giám định lần một là 12.000.000 đồng do bị đơn tạm ứng nên bị đơn đã nộp xong. Chi phí

giám định lần hai là 12.000.000 đồng do nguyên đơn tạm ứng, do đó bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 52, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử :

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tiêu Hồng N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hoài T:

- Bà Tiêu Hồng N phải trả cho bà Lê Hoài T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Hoài T cho đến khi thi hành án xong, bà Tiêu Hồng N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự và chi phí tố tụng :

- Bà Tiêu Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Bà Tiêu Hồng N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0009489 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Tiêu Hồng N phải trả cho bà Lê Hoài T số tiền mà bà T đã tạm ứng để giám định chữ ký, chữ viết là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Kim Dung**